



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT

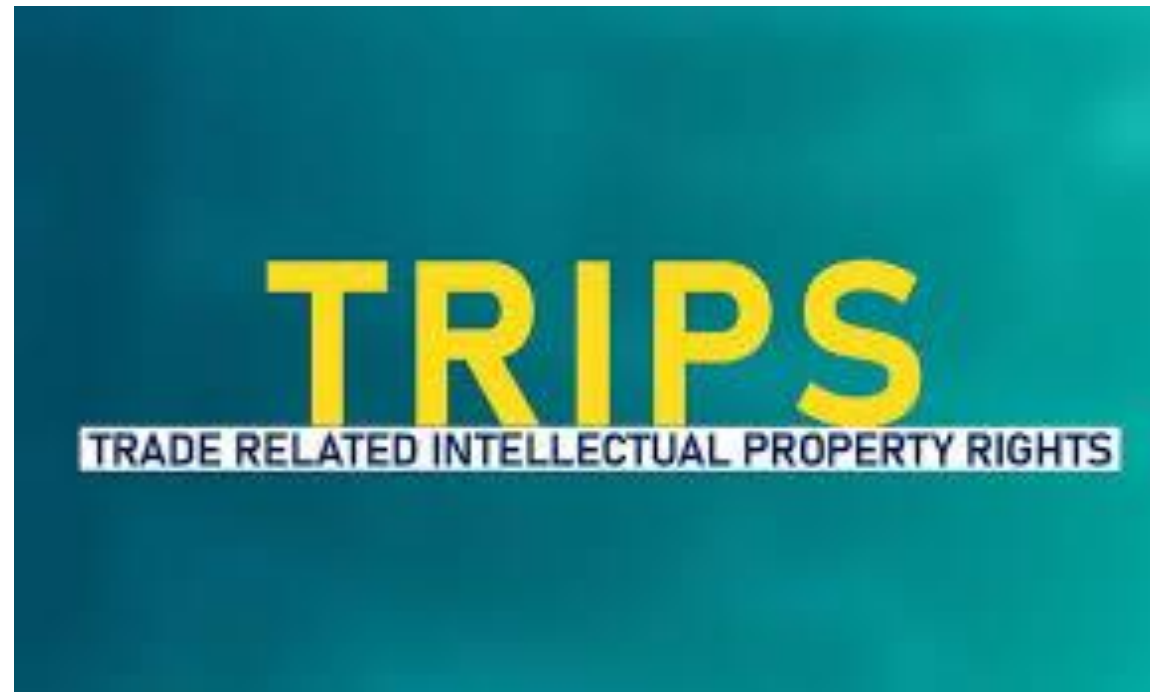
Môn học

LUẬT THƯƠNG MẠI

QUỐC TẾ

CHƯƠNG 6

LUẬT WTO TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



HIỆP ĐỊNH MARRAKESH (HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP WTO)

PHỤ LỤC 1

Phụ lục 1a:

Hiệp định đa biên về thương mại hàng hóa
(13 Hiệp định)

Phụ lục 1b:

Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
(Hiệp định GATS)

Phụ lục 1c:

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
(Hiệp định TRIPs)

PHỤ LỤC 2
HIỆP ĐỊNH VỀ QUY TẮC VÀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KHUÔN KHỔ WTO
(HIỆP ĐỊNH DSU)

PHỤ LỤC 3
HIỆP ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
(HIỆP ĐỊNH TPRM)

PHỤ LỤC 4 CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI NHIỀU BÊN

Phụ lục 4a: Hiệp định về Thương mại Máy bay Dân dụng

Phụ lục 4b: Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (Hiệp định năm 2012 thay thế năm 1994)

Phụ lục 4c: Hiệp định quốc tế về sữa (Chấm dứt năm 1997)

Phụ lục 4d: Hiệp định quốc tế về thịt bò (Chấm dứt năm 1997)

Vai trò Quyền sở hữu trí tuệ (IPRs-Intellectual property rights) trong TMQT



Gắn với hàng hoá xuất nhập khẩu được bảo hộ IPRs



Đối tượng trực tiếp trong các giao dịch TMQT liên quan đến IPRs:

- Chuyển nhượng IPRs.
- Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ.
- Nhượng quyền thương mại.
- Chuyển giao công nghệ

TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH TRIPS

TRIPS **(Agreement On** **Trade – Related** **Aspect of** **Intellectual** **Property Rights)**

❑ Ra đời năm 1995, sau khi thành lập WTO

❑ Hiệp định nằm trong khuôn khổ WTO

❑ Lĩnh vực bảo hộ sở hữu trí tuệ

❑ Phụ lục 1C của Hiệp định thành lập WTO

Hiệp định đa phương toàn diện nhất về sở hữu trí tuệ

Là kết quả của sự kết hợp những điều ước quốc tế quan trọng nhất trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu về bảo hộ IPRs cho tất cả các thành viên WTO, bất kể trình độ phát triển.

Hiệp định TRIPS trao cho các thành viên WTO quyền tự quyết nhất định.

Hiệp định TRIPS thiết lập cơ chế thực thi IPRs hiệu quả.

TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH TRIPS

Mục tiêu cơ bản nhất là thúc đẩy thương mại quốc tế

Bảo hộ IPRs-Quyền sở hữu trí tuệ.

Ngăn chặn các thành viên sử dụng IPRs như những rào cản trong thương mại quốc tế.

CÁC NGUYÊN TẮC TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

NGUYÊN
TẮC TỐI
HUỆ QUỐC
(MNF)
ĐIỀU 4

NGUYÊN TẮC
ĐỐI XỬ QUỐC
GIA (NT)
ĐIỀU 3

NGUYÊN TẮC
MINH BẠCH
ĐIỀU 63

CÁC NGUYÊN TẮC TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

CSPL: Điều 4 Hiệp định Trips

▪ Cấm phân biệt đối xử **giữa công dân của hai thành viên nước khác.**

▪ Đòi hỏi sự bảo hộ '*ngay lập tức và vô điều kiện*', '*ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc miễn trừ*' cho công dân của bất kì nước nào khác (kể cả không phải thành viên của WTO)

▪ **Trường hợp ngoại lệ:**

▪ + CSPL: Đ.4 (a), (b), (c), (d) Hiệp định Trips

▪ + Trên cơ sở các thoả ước quốc tế về việc giúp đỡ trong tố tụng hoặc thực thi luật.

▪ + Phù hợp với các quy định của Công ước Berne (1971) hoặc Công ước Rome.

▪ + Người biểu diễn, người sản xuất bản ghi âm và các tổ chức phát thanh truyền hình không phải do Hiệp định Trips quy định.

▪ + Trên cơ sở các thoả ước quốc tế liên quan đến việc bảo hộ sở hữu trí tuệ đã có hiệu lực trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực

NGUYÊN
TẮC
TỐI
HƯỆ
QUỐC
(MNF)

CÁC NGUYÊN TẮC TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

CSPL: Điều 3 Hiệp định Trips

▪ Cấm phân biệt đối xử **giữa công dân nước mình với công dân của thành viên khác.**

▪ **Áp dụng mức độ bảo hộ:**

▪+ Mức bảo hộ \leq mức chuẩn TRIPS \rightarrow điều chỉnh bằng mức chuẩn TRIPS.

▪+ Mức bảo hộ $>$ mức chuẩn TRIPS \rightarrow áp dụng tương tự cho công dân thành viên khác.

▪ **Trường hợp ngoại lệ:**

▪+ CSPL: K.2 Đ.3 Hiệp định Trips

▪+ Các thủ tục xét xử và hành chính, kể cả việc chỉ định địa chỉ dịch vụ hoặc bổ nhiệm đại diện trong phạm vi quyền hạn của một Thành viên.

▪+ Áp dụng ngoại lệ khi: Cần thiết để bảo đảm thi hành đúng các luật và quy định không trái với các quy định của hiệp định; Không phải là một sự hạn chế trá hình hoạt động thương mại.

NGUYÊN
TẮC ĐỐI
XỬ
QUỐC
GIA (NT)

CÁC NGUYÊN TẮC TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

CSPL: Điều 63 Hiệp định Trips

▪ Mục đích: *“Giúp cho chính phủ và các chủ thể khác được thông báo về khả năng thay đổi của pháp luật sở hữu trí tuệ của thành viên nhằm góp phần đảm bảo môi trường pháp lí ổn định và có thể dự đoán được”*

▪ Công bố hoặc phải tiếp cận được một cách công khai, bằng ngôn ngữ quốc gia:

- + Luật và các quy định.
- + Quyết định xét xử.
- + Quyết định hành chính.

▪ Công bố thông qua 03 phương thức:

- 1. Công bố chính thức.
- 2. Thông báo cho Hội đồng TRIPS.
- 3. Yêu cầu thành viên khác cung cấp thông tin và cho phép tiếp cận thông tin.

▪ **Trường hợp ngoại lệ:**

- + CSPL: K.4 Đ.63 Hiệp định Trips
- + Có thể cản trở việc thực thi luật hoặc trái với lợi ích xã hội hoặc có thể gây tổn hại cho lợi ích thương mại hợp pháp của doanh nghiệp cụ thể nào đó, thuộc nhà nước hoặc tư nhân.

NGUYÊN
TẮC
MINH
BẠCH

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

Các tiêu chuẩn liên quan đến khả năng đạt được, phạm vi và sử dụng IPRs (Đối tượng của IPRs)

1. Quyền tác giả và quyền liên quan
2. Nhãn hiệu
3. Chỉ dẫn địa lý
4. Kiểu dáng công nghiệp.
5. Sáng chế (Patent)
6. Thiết kế bố trí mạch tích hợp (Topograph)
7. Thông tin bí mật.

Kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến IPRs.

- Những quy định linh hoạt.
- Những tiêu chuẩn tối thiểu

Thực thi IPRs

Các nghĩa vụ chung

Các chế tài, thủ tục dân sự và hành chính

Các biện pháp tạm thời

Những yêu cầu đặc biệt liên quan đến các biện pháp kiểm soát biên giới

Các biện pháp hình sự

Giải quyết tranh chấp

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.1 QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN

CSPL:

- Công ước Berne.
- Từ Đ.9 đến Đ.14 Hiệp định Trips

QUYỀN TÁC GIẢ (TÁC QUYỀN, BẢN QUYỀN)-COPYRIGHT ©

Phạm vi bảo hộ

- Bao gồm sự thể hiện: tác phẩm văn học theo Công ước Berne (1971); Các chương trình máy tính; Các bộ sưu tập dữ liệu.
- Không bao gồm: các ý đồ, trình tự, phương pháp tính hoặc các khái niệm toán học.

Quyền cho phép hoặc cấm việc cho công chúng thuê bản gốc hoặc bản sao các tác phẩm của họ nhằm mục đích thương mại

Thời hạn bảo hộ tác phẩm (trừ tác phẩm nhiếp ảnh và tác phẩm nghệ thuật ứng dụng)

- Tính theo đời người.
- Hoặc không < 50 năm kể từ khi kết thúc năm dương lịch mà tác phẩm được công bố một cách hợp pháp.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.1 QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN

| Những người biểu diễn | Người sản xuất bản ghi âm | Các tổ chức phát thanh, truyền hình |
|--|--|--|
| <input type="checkbox"/> Quyền ngăn cấm phát qua phương tiện vô tuyến và truyền cho công chúng buổi biểu diễn trực tiếp của họ. | <input type="checkbox"/> Độc quyền sao chép, cho thuê bản ghi âm. | <input type="checkbox"/> Quyền ngăn cấm các hành vi: ghi, sao chép bản ghi, phát lại qua phương tiện vô tuyến chương trình, cũng như truyền hình cho công chúng các chương trình |
| <input type="checkbox"/> Thời hạn bảo hộ: ít nhất là 50 năm tính từ khi kết thúc năm dương lịch mà việc ghi âm hoặc buổi biểu diễn được tiến hành | <input type="checkbox"/> Thời hạn bảo hộ: ít nhất là 50 năm tính từ khi kết thúc năm dương lịch mà việc ghi âm hoặc buổi biểu diễn được tiến hành | <input type="checkbox"/> Thời hạn bảo hộ: ít nhất là 20 năm tính khi kết thúc năm dương lịch mà chương trình phát thanh, truyền hình được thực hiện |

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.2 NHÃN HIỆU



CSPL:

- Từ Đ.15 đến Đ.21 Hiệp định Trips

Đối tượng bảo hộ: một dấu hiệu hoặc tổ hợp các dấu hiệu, bao gồm:

- Dấu hiệu nhìn thấy được.
- Dấu hiệu không nhìn thấy được (như âm thanh, mùi, vị) có khả năng phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp với hàng hoá hoặc dịch vụ của các doanh nghiệp khác.

Quyền của chủ sở hữu một nhãn hiệu hàng hoá đã đăng ký phải có độc quyền ngăn cấm những người không được phép của mình sử dụng trong hoạt động thương mại.

Thời hạn bảo hộ: không dưới 07 năm, được gia hạn không giới hạn số lần gia hạn.

Cấp li-xăng (chuyển giao quyền sử dụng) và chuyển nhượng quyền sở hữu.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.3 CHỈ DẪN ĐỊA LÝ



CSPL:

- Từ Đ.22 đến Đ.24 Hiệp định Trips

Chỉ dẫn địa lý là:

- Những chỉ dẫn về hàng hoá bắt nguồn từ lãnh thổ, khu vực hay địa phương thuộc lãnh thổ đó.
- Có chất lượng, uy tín hoặc đặc tính nhất định chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định.

Các Thành viên phải quy định những biện pháp pháp lý để các bên liên quan ngăn ngừa:

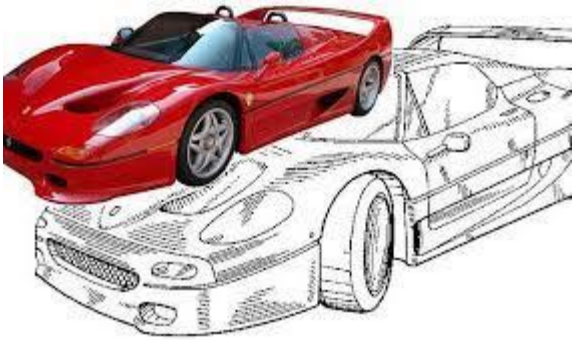
- Việc gọi tên hoặc giới thiệu hàng hoá nhằm chỉ dẫn hoặc gợi ý rằng hàng hoá đó bắt nguồn từ một khu vực địa lý khác với xuất xứ thực, nhằm lừa dối công chúng về xuất xứ địa lý của hàng hoá.
- Bất kỳ hành vi sử dụng nào cấu thành một hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Điều 10^{bis} Công ước Paris (1967).

Bảo hộ bổ sung đối với các chỉ dẫn địa lý dùng cho rượu vang và rượu mạnh.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.4 KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP



CSPL:

- Đ.22 & 26 Hiệp định Trips

Kiểu dáng công nghiệp được tạo ra một cách độc lập phải có:

- **Tính mới**
- **Hoặc nguyên gốc.**

Không áp dụng cho những kiểu dáng công nghiệp chủ yếu do đặc tính kỹ thuật và chức năng quyết định

Quyền cấm những người không được: sản xuất, bán hoặc nhập khẩu những sản phẩm mang hoặc thể hiện một kiểu dáng là bản sao, hoặc về cơ bản là một bản sao, của kiểu dáng được bảo hộ đó, nếu các hành vi nói trên được thực hiện nhằm mục đích thương mại.

Thời hạn bảo hộ: tối thiểu là 10 năm

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.5 SÁNG CHẾ



CSPL:

- Từ Đ.27 đến Đ.39 Hiệp định Trips

Sản phẩm hoặc quy trình thuộc mọi lĩnh vực công nghệ với điều kiện :

- Tính mới
- Trình độ sáng tạo.
- Khả năng áp dụng công nghiệp

Trường hợp không cấp bằng độc quyền sáng chế:

1. Sáng chế trái ngược với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội (gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người và động vật hoặc thực vật hoặc để tránh gây nguy hại nghiêm trọng cho môi trường)
2. Các phương pháp chẩn đoán bệnh, các phương pháp nội và ngoại khoa để chữa bệnh cho người và động vật.
3. Không cấp bằng độc quyền sáng chế cho thực vật và động vật, chủ yếu mang tính chất sinh học và không phải là các quy trình phi sinh học hoặc vi sinh

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.5 SÁNG CHẾ



Chủ sở hữu sáng chế có quyền:

- Sản xuất, sử dụng, chào hàng, bán sản phẩm và nhập khẩu sản phẩm
- Chuyển nhượng, để lại thừa kế quyền đối với sáng chế và giao kết các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.

Thời hạn bảo hộ: không được ngắn hơn 20 năm tính từ ngày nộp đơn.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.6 THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP (TOPOGRAPH)



❑ CSPL:

- Hiệp ước Washington về sở hữu trí tuệ đối với mạch tích hợp 1989
- Từ Đ.35, 36 & 37 Hiệp định Trips

❑ “Mạch tích hợp” và “Thiết kế bố trí”

❑ Hiệp định TRIPS bổ sung ba vấn đề quan trọng

1. Khả năng bảo hộ sản phẩm chứa thiết kế bố trí bất hợp pháp (Điều 36)
2. Xử lý người vi phạm không có lỗi - đó là việc người thực hiện hành vi nhập khẩu, bán hoặc phân phối mạch tích hợp chứa thiết kế bố trí bị sao chép bất hợp pháp, hoặc bất kì sản phẩm nào chứa mạch tích hợp như vậy, dưới hình thức khác, nhằm mục đích thương mại, (khoản 1 Điều 37).
3. Áp dụng các quy định tại Đ.31 Hiệp định TRIPS đối với chuyển giao không tự nguyện quyền sử dụng thiết kế bố trí, hoặc sử dụng thiết kế bố trí do chính phủ thực hiện mà không được phép của chủ thể nắm giữ quyền, thay cho các quy định về bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng thiết kế bố trí (li-xăng bắt buộc) trong Hiệp ước về sở hữu trí tuệ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp (khoản 2 Điều 37).

❑ **Thời hạn bảo hộ:** không ngắn hơn 10 năm tính từ ngày nộp đơn đăng ký hoặc từ ngày việc khai thác nhằm mục đích thương mại xảy ra lần đầu tiên ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

1. CÁC TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN KHẢ NĂNG ĐẠT ĐƯỢC, PHẠM VI VÀ SỬ DỤNG IPRS (ĐỐI TƯỢNG CỦA IPRS)

1.7 THÔNG TIN BÍ MẬT.



CSPL: Đ.39 Hiệp định TRIPS

Thông tin bí mật là thông tin phải đảm bảo điều kiện:

- **Có tính chất bí mật.**
- **Có giá trị thương mại**

→ vì có tính chất bí mật, được giữ bí mật bằng các biện pháp hợp lý.

Dữ liệu thử nghiệm và các dữ liệu bí mật khác trong trường hợp phải nộp dữ liệu theo yêu cầu của Chính phủ

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

2. KIỂM SOÁT HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH LIÊN QUAN ĐẾN IPRs

NHỮNG QUY ĐỊNH LINH HOẠT

1. Những biện pháp phù hợp, không trái với các quy định của Hiệp định nhằm:
 - Ngăn ngừa sự lạm dụng các quyền sở hữu trí tuệ
 - Ngăn chặn các hành vi gây cản trở hoạt động thương mại một cách bất hợp lý hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chuyển giao công nghệ quốc tế.
2. Quyền kiểm soát các hành vi hạn chế cạnh tranh phát sinh từ hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ.

NHỮNG TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU

1. Các biện pháp kiểm soát hoặc ngăn chặn hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến IPRs phải ‘phù hợp’ với các quy định khác của Hiệp định TRIPS.
2. Các biện pháp này phải “thích hợp” và “cần thiết”.
3. Xây dựng nghĩa vụ thương lượng và hợp tác trong kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ - *đây là thoả thuận quốc tế đa phương đầu tiên thiết lập nghĩa vụ hợp tác trong thực thi pháp luật chống độc quyền*

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

3. THỰC THI IPRS

NGHĨA VỤ CHUNG

1. Các chế tài khẩn cấp nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm và hành vi xâm phạm tiếp theo.
2. Các thủ tục thực thi không tạo ra những rào cản cho hoạt động thương mại hợp pháp và nhằm quy định những biện pháp chống lạm dụng các thủ tục thực thi.
3. Các thủ tục thực thi phải đúng đắn và công bằng, không phức tạp và tốn kém một cách không cần thiết.
4. Các quyết định xử lý vụ việc thể hiện bằng văn bản và nêu rõ lý do, đồng thời trao cho các bên tham gia khiếu kiện

3. THỰC THI IPRS

CÁC CHẾ TÀI, THỦ TỤC DÂN SỰ VÀ HÀNH CHÍNH

1. Yêu cầu thủ tục thực thi phải đúng đắn và công bằng.
2. Chứng cứ.
3. Lệnh của tòa án.
4. Bồi thường thiệt hại.
5. Các biện pháp chế tài khác,
6. Quyền được thông tin.
7. Bồi thường cho bị đơn.
8. Áp dụng những hướng dẫn nêu trên trong thực thi IPRs bằng biện pháp hành chính

CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI

- ❑ Áp dụng nhằm ngăn chặn hành vi xâm phạm IPRs.
- ❑ Áp dụng nhằm ngăn chặn hàng hoá vào các kênh thương mại.
(lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu)
- ❑ Áp dụng khi mà bất kì sự chậm trễ nào cũng có thể tạo nguy cơ gây hậu quả không khắc phục được cho chủ thể nắm giữ quyền, hoặc khi thấy rằng chứng cứ đang có nguy cơ bị tiêu hủy.
- ❑ Cơ quan xét xử và cơ quan hành chính có thẩm quyền áp dụng các biện pháp tạm thời.

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

3. THỰC THI IPRS

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶC BIỆT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT BIÊN GIỚI

- ❑ Áp dụng nhằm xử lý hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hoá sao chép lậu.
- ❑ Các biện pháp bao gồm:
 - *Cơ quan hải quan ngăn chặn hàng hoá nhập khẩu là hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hoá sao chép lậu được đưa vào lưu thông tự do.*
 - *Cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu nguyên đơn nộp khoản bảo đảm hoặc bảo hiểm tương đương đủ để bảo vệ bị đơn và các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời ngăn chặn sự lạm dụng.*
 - *Cơ quan có thẩm quyền có quyền ra lệnh tiêu hủy hàng hoá vi phạm hoặc đưa những hàng hoá này ra khỏi các kênh thương mại. (Hình thức chế tài)*
- ❑ Có thể không áp dụng quy định này trong trường hợp nhập khẩu với số lượng nhỏ và không có mục đích thương mại

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

3. THỰC THI IPRS

CÁC BIỆN PHÁP HÌNH SỰ

- ❑ Đối với các trường hợp cố ý giả mạo nhãn hiệu hoặc sao chép lậu với quy mô thương mại.
- ❑ Các hình thức chế tài như:
 - Phạt tù.
 - Phạt tiền.
 - Tịch thu, trưng thu, tiêu hủy hàng hoá vi phạm và bất kì vật liệu, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội

CÁC NỘI DUNG CHÍNH TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

4. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

CÁC TRANH CHẤP IPRs TRONG KHUÔN KHỔ HIỆP ĐỊNH TRIPS ĐƯỢC GIẢI QUYẾT THEO CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA WTO (DSU).



**THE
END**